

Số: 36 /KH-UBND

Cần Thơ, ngày 19 tháng 02 năm 2025

KẾ HOẠCH
Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo
bền vững thành phố Cần Thơ năm 2025

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 3004/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 thành phố Cần Thơ;

Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững thành phố Cần Thơ năm 2024, cụ thể như sau:

I. THỰC TRẠNG HỘ NGHÈO

Qua kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2024, thành phố Cần Thơ có 414 hộ thoát nghèo, hiện còn 350 hộ nghèo với 1.118 khẩu, chiếm tỷ lệ 0,09% so với hộ dân và 4.685 hộ cận nghèo với 18.367 khẩu, chiếm tỷ lệ 1,26% so với hộ dân với những đặc trưng cơ bản như sau:

- Hộ nghèo khu vực thành thị:	247 hộ, tỷ lệ 0,09%;
- Hộ nghèo khu vực nông thôn:	103 hộ, tỷ lệ 0,10%;
- Hộ nghèo dân tộc thiểu số:	29 hộ, tỷ lệ 0,29% ¹ ;
- Các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản hộ nghèo	
+ Việc làm:	214 hộ, tỷ lệ 61,142% ;
+ Người phụ thuộc trong hộ gia đình:	178 hộ, tỷ lệ 50,86%;
+ Dinh dưỡng:	22 hộ, tỷ lệ 6,29%;
+ Bảo hiểm y tế:	297 hộ, tỷ lệ 84,86%;
+ Trình độ giáo dục người lớn:	67 hộ, tỷ lệ 19,14%;
+ Tình trạng đi học của trẻ em:	24 hộ, tỷ lệ 6,86%;

¹ So với tổng số hộ dân tộc thiểu số trên địa bàn thành phố.

+ Chất lượng nhà ở:	130 hộ, tỷ lệ 37,14%;
+ Diện tích nhà ở dưới 8m ² /người:	120 hộ, tỷ lệ 34,29%;
+ Nguồn nước sinh hoạt:	13 hộ, tỷ lệ 3,71%;
+ Nhà tiêu hợp vệ sinh:	76 hộ, tỷ lệ 21,71%;
+ Sử dụng dịch vụ viễn thông:	125 hộ, tỷ lệ 35,71%;
+ Phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin:	49 hộ, tỷ lệ 14,00%;
- Hộ nghèo theo các nguyên nhân	
+ Không có đất sản xuất:	262 hộ, tỷ lệ 74,85%;
+ Không có vốn sản xuất, kinh doanh:	162 hộ, tỷ lệ 46,28%;
+ Không có lao động:	156 hộ;
+ Không có công cụ, phương tiện sản xuất:	122 hộ;
+ Không có kiến thức về sản xuất:	103 hộ;
+ Không có kỹ năng lao động, sản xuất:	98 hộ;
+ Có người ốm đau, bệnh nặng, tai nạn...	158 hộ.

II. MỤC TIÊU THỰC HIỆN

1. Mục tiêu chung

Nâng dần tỷ lệ hộ nghèo tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản đảm bảo hộ nghèo có đất được hỗ trợ xây dựng nhà ở, hỗ trợ hộ nghèo tiếp cận được điện sinh hoạt, nguồn nước sạch và hố xí tự hoại theo Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chính sách hỗ trợ hộ nghèo thoát nghèo bền vững giai đoạn 2024 - 2025; nâng cao mức sống, thu nhập của hộ nghèo, hộ cận nghèo, giảm nghèo bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Phân đầu đến cuối năm 2025 giảm 0,04% tỷ lệ hộ nghèo, giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn 0,05% so với hộ dân; giảm 0,09% tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số; giảm tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số xuống còn 0,20% so với hộ dân tộc thiểu số;

b) Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả cơ chế, chính sách giảm nghèo bền vững để cải thiện điều kiện sống của người nghèo và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản như chính sách phát triển sản xuất, đất sản xuất; chính sách tín dụng ưu đãi; chăm sóc sức khỏe và bảo hiểm y tế; giáo dục và đào tạo; nhà ở; nước sạch và vệ sinh, tiếp cận thông tin.

3. Các chỉ tiêu chủ yếu cần đạt được đến cuối năm 2025

a) Các chỉ tiêu chủ yếu của Chương trình

- Giảm 0,04% tỷ lệ hộ nghèo, tỷ lệ hộ nghèo cuối năm 2025 còn 0,05% so với hộ dân; giảm 0,09% tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số; tỷ lệ hộ nghèo dân tộc

thiếu số cuối năm 2025 còn 0,20% so với hộ dân tộc thiểu số; phấn đấu giảm ít nhất 163 hộ nghèo so với đầu năm 2025 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025, giảm ít nhất 09 hộ nghèo dân tộc thiểu số;

- Duy trì và nhân rộng 31 mô hình sinh kế giảm nghèo nhằm tạo việc làm, thu nhập cho hộ nghèo, hộ cận nghèo;

- 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo.

b) Các chỉ tiêu giải quyết mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản

- Chiếu thiếu hụt về y tế: 100% người thuộc hộ nghèo, người thuộc hộ cận nghèo được hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế;

- Chiếu thiếu hụt về nhà ở: tối thiểu 550 hộ nghèo, hộ cận nghèo đủ điều kiện được hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở, đảm bảo có nhà ở an toàn, ổn định, có khả năng chống chịu tác động của thiên tai, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nghèo bền vững;

- Chiếu thiếu hụt về nước sinh hoạt và vệ sinh: 100% hộ nghèo được hỗ trợ nguồn nước sạch sinh hoạt; 95% hộ cận nghèo được hỗ trợ nguồn nước sạch sinh hoạt; 100% hộ nghèo sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh; 95% hộ nghèo sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh;

- 98% hộ nghèo được sử dụng lưới điện quốc gia;

- Chiếu thiếu hụt về thông tin: trên 95% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được tiếp cận sử dụng các dịch vụ viễn thông, internet.

III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Phạm vi của Chương trình

Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025 thực hiện trên phạm vi toàn thành phố.

2. Đối tượng của Chương trình

a) Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên phạm vi toàn thành phố. Ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ cận nghèo có thành viên là người có công với cách mạng; trẻ em, người khuyết tật, phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo;

b) Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn thành phố;

c) Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tổ chức dịch vụ việc làm, doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn thành phố;

d) Các tổ chức, cá nhân liên quan.

3. Thời gian thực hiện Chương trình

Đến hết năm 2025.

IV. CÁC DỰ ÁN THÀNH PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Dự án 1: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

a) Mục tiêu

Hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế, xây dựng, phát triển và nhân rộng mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, nhằm tạo việc làm, sinh kế bền vững, thu nhập ổn định, nâng cao chất lượng cuộc sống và thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho người nghèo; góp phần thực hiện mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, phát huy các giá trị văn hóa của dân tộc, bảo vệ môi trường, tăng trưởng kinh tế và mục tiêu giảm nghèo bền vững;

b) Đối tượng

Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

c) Nội dung hỗ trợ

- Hỗ trợ vốn vay ưu đãi, phát triển sản xuất; hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp gồm: Giống cây trồng, vật nuôi, phân bón, thức ăn gia súc; hỗ trợ vốn vay làm chuồng trại chăn nuôi, ao nuôi, tập huấn kỹ thuật, đào tạo nghề;

- Duy trì 31 mô hình sinh kế tập trung mô hình dạy nghề gắn với tạo việc làm theo hướng sản xuất hàng hóa để người nghèo tiếp cận và tham gia; mô hình liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm giữa hộ nghèo, cận nghèo, cộng đồng với doanh nghiệp; mô hình hỗ trợ sản xuất, tạo thu nhập cho người nghèo;

d) Phân công thực hiện:

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân quận, huyện tổ chức thực hiện dự án;

đ) Vốn và nguồn vốn

Vốn thực hiện: 5.300 triệu đồng, trong đó: huy động cộng đồng: 5.300 triệu đồng.

2. Dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp, cải thiện dinh dưỡng

a) Tiêu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp

- Mục tiêu: Hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất nông nghiệp; đẩy mạnh phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao nhằm đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất, tăng thu nhập; gắn với quy hoạch sản xuất, lồng ghép chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất, phát triển các sản phẩm có tiềm năng, thế mạnh tại địa phương, tạo giá trị gia tăng cho người sản xuất, thoát nghèo bền vững;

- Đối tượng:

+ Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo;

+ Hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo, hộ cận nghèo và phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo;

- Nội dung hỗ trợ:

+ Phát triển sản xuất nông, nghiệp: Tập huấn kỹ thuật, tư vấn chuyển giao kỹ thuật, cung cấp cây trồng, vật nuôi; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y và hỗ trợ khác theo quy định;

+ Tập huấn, tư vấn quản lý tiêu thụ nông sản, thí điểm, nhân rộng các giải pháp, sáng kiến phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị hiệu quả;

- Phân công thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân quận, huyện tổ chức thực hiện Tiểu dự án 1;

- Vốn và nguồn vốn:

Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 300 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách địa phương: 200 triệu đồng;

+ Vốn huy động hợp pháp khác: 100 triệu đồng.

b) Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

- Mục tiêu:

Cải thiện tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo sinh sống trên địa bàn thành phố. Trong đó, đạt độ bao phủ tối thiểu 80% trẻ em dưới 16 tuổi suy dinh dưỡng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo sinh sống trên địa bàn thành phố được bổ sung vi chất dinh dưỡng;

- Đối tượng:

Trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo sinh sống trên địa bàn thành phố;

- Nội dung hỗ trợ:

+ Hỗ trợ tiếp cận, can thiệp trực tiếp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em dưới 5 tuổi thuộc hộ gia đình nghèo và cận nghèo sinh sống trên địa bàn;

+ Tư vấn, can thiệp phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng cho trẻ em từ 5 đến dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo sinh sống trên địa bàn thành phố;

- Phân công thực hiện:

Sở Y tế chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân quận, huyện tổ chức thực hiện Tiểu dự án 2;

- Vốn và nguồn vốn:

Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 80 triệu đồng, từ nguồn ngân sách địa phương;

3. Dự án 3: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

a) Mục tiêu

Phát triển giáo dục nghề nghiệp chú trọng chất lượng đào tạo, hỗ trợ đào tạo nghề cho người thuộc hộ nghèo, người thuộc hộ cận nghèo gắn kết chặt chẽ

giáo dục nghề nghiệp với tạo việc làm, sinh kế bền vững, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống;

b) Đối tượng hỗ trợ

Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo;

c) Nội dung hỗ trợ

Đào tạo nghề trên 100 người, trong đó:

- Thực hiện đào tạo nghề cho người thuộc hộ nghèo trên 30 người. Kinh phí thực hiện: 177 triệu đồng;

- Thực hiện đào tạo nghề cho người thuộc hộ cận nghèo trên 70 người. Kinh phí thực hiện: 378 triệu đồng;

d) Phân công thực hiện

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân quận, huyện tổ chức thực hiện Dự án 3;

đ) Vốn và nguồn vốn

Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 555 triệu đồng, từ nguồn ngân sách địa phương.

4. Dự án 4: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn

a) Mục tiêu

Hỗ trợ nhà ở tối thiểu 550 căn nhà cho hộ nghèo, cận nghèo đủ điều kiện được hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở, đảm bảo có nhà ở an toàn, ổn định, có khả năng chống chịu tác động của thiên tai, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nghèo bền vững;

b) Đối tượng

Hộ nghèo, hộ cận nghèo trong danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, đang cư trú trên địa bàn;

c) Nội dung hỗ trợ

Xây mới hoặc sửa chữa, nâng cấp nhà ở hiện có; đảm bảo diện tích sử dụng tối thiểu theo quy định và đảm bảo 3 cứng (nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng) và tuổi thọ căn nhà từ 20 năm trở lên;

d) Phân công thực hiện

Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp các sở, ban ngành liên quan và Ủy ban nhân dân quận, huyện triển khai thực hiện Đề án hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo khu vực nông thôn (khi có phê duyệt Đề án nhà ở của Chính phủ và Ủy ban nhân dân thành phố) để hỗ trợ hộ nghèo khó khăn về nhà ở; Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố chủ trì phối hợp các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân quận, huyện vận động hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo;

đ) Vốn và nguồn vốn

Tổng nhu cầu vốn thực hiện 28.010 triệu, trong đó:

- Từ nguồn ngân sách địa phương 27.060 triệu đồng;
- Nguồn vốn huy động: 950 triệu đồng.

5. Dự án 5: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

a) Mục tiêu

- Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn tiếp cận thông tin, giảm nghèo về thông tin;

- Tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội về công tác giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững nhằm khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường vươn lên thoát nghèo của người dân và cộng đồng; nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng trợ giúp pháp lý, huy động nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; tuyên truyền các gương điển hình, sáng kiến, mô hình tốt về giảm nghèo để thúc đẩy, nhân rộng và lan tỏa trong xã hội;

b) Đối tượng

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn;

- Các tổ chức và cá nhân có liên quan;

c) Phân công thực hiện

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân quận, huyện tổ chức thực hiện dự án;

d) Vốn và nguồn vốn

Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 100 triệu đồng, từ nguồn ngân sách địa phương.

6. Dự án 6: Nâng cao năng lực và kiểm tra giám sát, đánh giá Chương trình

a) Mục tiêu

Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở các cấp nhằm hỗ trợ người nghèo vươn lên thoát nghèo, phòng ngừa, hạn chế người dân rơi vào tình trạng tái nghèo; bảo đảm thực hiện Chương trình đúng mục tiêu, đúng đối tượng, hiệu quả, bền vững; tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình, đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, đúng đối tượng và quy định của pháp luật;

b) Đối tượng

- Cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp, nhất là cấp cơ sở (cán bộ ấp, khu vực) chú trọng nâng cao năng lực cho cán bộ nữ;

- Các cấp, các ngành và địa phương;

- Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo các cấp, cán bộ được phân công phụ trách tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá;

c) Nội dung hỗ trợ

- Xây dựng tài liệu tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo;

- Kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, Chương trình, dự án giảm nghèo định kỳ, hằng năm hoặc đột xuất;

d) Phân công thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện dự án;

đ) Vốn và nguồn vốn

Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 200 triệu đồng, từ nguồn ngân sách địa phương.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Từ nguồn vốn chi thường xuyên; các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện lồng ghép các nội dung của Chương trình trong thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên của năm 2025 tổng kinh phí là 297.329 triệu đồng; phân theo nguồn như sau:

- Ngân sách thành phố: 61.379 triệu đồng;
- Nguồn vốn vay ưu đãi: 227.000 triệu đồng;
- Huy động cộng đồng: 8.950 triệu đồng.

VI. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Nguyên tắc thực hiện Chương trình

a) Bảo đảm công khai, dân chủ, phát huy quyền làm chủ và sự tham gia tích cực, chủ động của cộng đồng và người dân;

b) Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình ở quận, huyện, xã, phường, thị trấn. Có biện pháp phòng ngừa, kịp thời ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực và xử lý nghiêm hành vi tham nhũng, lãng phí và các vi phạm trong quá trình thực hiện Chương trình.

2. Giải pháp huy động vốn, lồng ghép nguồn lực

a) Ngân sách thành phố giữ vai trò dẫn dắt, tạo động lực, đồng thời huy động tối đa các nguồn lực xã hội thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; bố trí vốn từ ngân sách địa phương hợp lý, phù hợp với tình hình thực tế và tăng cường các nguồn huy động, đóng góp hợp pháp của doanh nghiệp, nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; tham gia, đóng góp của người dân, đối tượng thụ hưởng;

b) Bảo đảm cân đối, bố trí, huy động đầy đủ, kịp thời theo đúng cơ cấu nguồn vốn đã được quyết định (nếu có); bảo đảm trách nhiệm tham gia thực hiện Chương trình của người dân, đối tượng thụ hưởng;

c) Lồng ghép nguồn lực thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững với các Chương trình khác để hỗ trợ thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

3. Cơ chế quản lý, thực hiện

a) Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia thành phố Cần Thơ; Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững cấp huyện, cấp xã hoạt động theo Quy chế được ban hành;

b) Cơ chế thực hiện

- Thực hiện cơ chế hỗ trợ, phân cấp, trao quyền cho địa phương, cơ sở; tăng cường sự tham gia của người dân trong thực hiện Chương trình. Khuyến khích, mở rộng hoạt động tạo việc làm công cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân trên địa bàn nghèo thông qua các dự án đa dạng hóa sinh kế, mô hình giảm nghèo và dự án hỗ trợ phát triển sản xuất;

- Thực hiện cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ theo quy định hiện hành về giáo dục nghề nghiệp, tạo việc làm, giảm nghèo về thông tin và truyền thông về giảm nghèo đa chiều; tập huấn, tư vấn chuyển giao kỹ thuật, quản lý mô hình sinh kế; cơ chế hỗ trợ người học nghề thuộc đối tượng của Chương trình;

- Áp dụng thống nhất các cơ chế, quy trình trong thực hiện các dự án, tiêu dự án của Chương trình; đảm bảo nguyên tắc không trùng lặp giữa các hoạt động, nội dung hỗ trợ của các dự án, tiêu dự án thuộc Chương trình trên cùng một địa bàn, cùng một đối tượng thụ hưởng;

- Trên cơ sở tổng nguồn lực được giao, cấp huyện, cấp xã sẽ chủ động bố trí ngân sách hằng năm để bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ Chương trình đề ra;

- Áp dụng cách tiếp cận giảm nghèo dựa vào cộng đồng; mở rộng và tạo điều kiện để tăng cường sự tham gia của người dân về các hoạt động của Chương trình; bảo đảm công khai, minh bạch trong quá trình thực hiện Chương trình.

4. Công tác tuyên truyền

a) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn xã hội, nhất là người dân nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động trong giảm nghèo bền vững; phát huy mạnh mẽ truyền thống đoàn kết, tinh thần "tương thân, tương ái" của dân tộc ta đối với người nghèo. Khơi dậy ý chí tự lực tự cường của người nghèo, chủ động vươn lên thoát nghèo, không trông chờ, ỷ lại vào sự giúp đỡ của Nhà nước và xã hội;

b) Thực hiện tốt Phong trào thi đua "Chung tay vì người nghèo và công tác an sinh xã hội"; Phong trào thi đua "Chung tay xóa nhà tạm, nhà dột nát" trên địa bàn thành phố, khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, phát huy nội lực vươn lên thoát nghèo, xây dựng cuộc sống ấm no của người dân và cộng đồng.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Sở, ban ngành thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện căn cứ Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững của thành phố năm 2025 và chức năng nhiệm vụ của đơn vị xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình năm 2025 trên địa bàn lĩnh vực phụ trách; tiếp tục nghiên cứu,

đề xuất các cơ chế chính sách bổ sung hoàn thiện Chương trình để kiến nghị cấp thẩm quyền xem xét, giải quyết kịp thời, cụ thể như sau:

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Chủ trì, phối hợp các sở, ban ngành liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này; thực hiện chính sách dạy nghề người lao động thuộc hộ nghèo, người lao động thuộc hộ cận nghèo; tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác giảm nghèo cơ sở, các Trưởng ấp, khu vực và cán bộ đoàn thể phối hợp lồng ghép thực hiện Chương trình ở các cấp;

b) Chủ trì, phối hợp tổ chức công tác kiểm tra, giám sát tình hình và kết quả thực hiện Chương trình;

c) Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân quận, huyện thực hiện dự án 1, dự án 3, dự án 5 và dự án 6.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành liên quan chỉ đạo và hướng dẫn các địa phương lồng ghép thực hiện Chương trình, công trình cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, thực hiện các chính sách, dự án về khuyến nông, lâm, ngư và hỗ trợ phát triển nông nghiệp như: tập huấn chuyên giao khoa học kỹ thuật, hướng dẫn cách làm ăn, nhân rộng mô hình phát triển sản xuất, chăn nuôi giảm nghèo hiệu quả cho hộ nghèo, hộ cận nghèo; hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận, sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh;

b) Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân quận, huyện thực hiện Tiểu dự án 1 của Dự án 2.

3. Sở Y tế

a) Tổ chức thực hiện hỗ trợ cho người nghèo khám, chữa bệnh; phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm xã hội và các đơn vị liên quan trong việc vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế;

b) Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh tuyến cơ sở, đảm bảo người nghèo tiếp cận dịch vụ y tế khi có nhu cầu;

c) Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân quận, huyện thực hiện Tiểu dự án 2 của Dự án 2.

4. Sở Xây dựng

a) Chủ trì, phối hợp các sở, ban ngành liên quan và Ủy ban nhân dân huyện triển khai thực hiện Đề án hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo khu vực nông thôn (khi có phê duyệt Đề án nhà ở của Chính phủ và Ủy ban nhân dân thành phố) để hỗ trợ hộ nghèo khó khăn về nhà ở;

b) Phối hợp với cơ quan chủ trì và các sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân quận, huyện tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng cơ chế, chính sách của thành phố hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo khu vực đô thị trên cơ sở huy động nguồn lực của cộng đồng, gia đình, dòng họ người nghèo; tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình đầu tư xây dựng nhà ở xã hội theo chức năng nhiệm vụ;

c) Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các sở, ban ngành liên quan, Ủy ban nhân dân quận, huyện thực hiện Dự án 4.

5. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Phối hợp các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân quận, huyện tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận thông tin; đưa văn hóa về cơ sở, ưu tiên hỗ trợ người thuộc hộ nghèo, người thuộc hộ cận nghèo trên địa bàn thành phố;

b) Tổ chức đa dạng các hoạt động truyền thông, tư vấn để nâng cao nhận thức, tính chủ động vươn lên người thuộc hộ nghèo, người thuộc hộ cận nghèo;

c) Phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân quận, huyện thực hiện dự án 5.

6. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp với các địa phương thực hiện chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, trợ cấp khó khăn, cấp học bổng, hỗ trợ dụng cụ học tập đối với học sinh thuộc hộ nghèo dân tộc thiểu số, hỗ trợ trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi theo quy định.

7. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính cân đối ngân sách (nguồn đầu tư phát triển), bố trí và phân bổ nguồn lực để thực hiện Chương trình theo quy định;

b) Phối hợp các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân, quận, huyện tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện lồng ghép Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn thành phố đạt hiệu quả cao.

8. Sở Tài chính

Căn cứ đề nghị của cơ quan, đơn vị và khả năng cân đối ngân sách; tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố bố trí nguồn kinh phí chi thường xuyên để thực hiện Chương trình trên cơ sở lồng ghép với các Chương trình, Đề án và nhiệm vụ chi khác có liên quan, đồng thời hướng dẫn các đơn vị thực hiện thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

9. Sở Tư pháp

Chủ trì tổ chức thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, người dân tộc thiểu số theo quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế của thành phố.

10. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Cần Thơ

Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành liên quan, các tổ chức Hội đoàn thể, địa phương cung cấp nguồn vốn tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác vay vốn phát triển sản xuất, xuất khẩu lao động, làm nhà ở, học sinh, sinh viên nghèo vay chi phí học tập... theo quy định.

11. Ban Dân tộc thành phố

Chủ trì, phối hợp các sở, ban ngành liên quan theo dõi, đôn đốc nhắc nhở, tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố kiểm tra, chỉ đạo các địa phương tổ chức thực hiện một số chính sách hỗ trợ giải quyết việc làm cho hộ nghèo, hộ cận nghèo Dân tộc thiểu số trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

12. Bảo hiểm xã hội thành phố

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành liên quan thực hiện các giải pháp tăng độ bao phủ bảo hiểm y tế trên dân số đạt chỉ tiêu được giao;

b) Chủ trì thực hiện kế hoạch tuyên truyền, vận động người dân trên địa bàn thành phố tham gia bảo hiểm y tế theo quy định.

13. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố

Tiếp tục đẩy mạnh vận động Quỹ “Vì người nghèo” để thực hiện các hoạt động hỗ trợ hộ nghèo làm nhà ở và tham gia nhân rộng mô hình giảm nghèo để tăng thu nhập. Chỉ đạo các thành viên Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, các tổ chức xã hội, đoàn thể tiếp tục phát huy thành quả đạt được về xã hội hóa góp phần thực hiện tốt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững ở các địa phương.

14. Các Hội, đoàn thể thành phố

Vận động hội viên, đoàn viên và hưởng ứng tham gia các cuộc vận động hỗ trợ giảm nghèo như: Phong trào “Vì người nghèo” phong trào “Cần Thơ chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau và công tác an sinh xã hội”; Phong trào thi đua “Chung tay xóa nhà tạm, nhà dột nát” trên địa bàn thành phố; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục thường xuyên đối với hội viên nghèo để nâng cao nhận thức, ý thức vươn lên thoát nghèo; hỗ trợ công tác dạy nghề, phối hợp Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Cần Thơ hỗ trợ tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo, hộ cận nghèo phát triển sản xuất và tham gia xây dựng các mô hình giảm nghèo bền vững ở địa phương.

15. Ủy ban nhân dân quận, huyện

a) Căn cứ Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025 của thành phố, tiến hành xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025 của địa phương; thông qua cấp ủy để thống nhất và chỉ đạo triển khai thực hiện trên địa bàn quận, huyện, xã, phường, thị trấn;

b) Chỉ đạo Phòng, ban liên quan và Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn chủ động và tích cực thực hiện nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn;

c) Tổ chức huy động, vận động các nguồn lực, thực hiện các chỉ tiêu, giải pháp của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố và hướng dẫn chuyên môn của các sở, ban, ngành liên quan.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững thành phố Cần Thơ năm 2025; yêu cầu các sở, ban ngành liên quan và Ủy ban nhân dân quận, huyện triển khai thực hiện; báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch định kỳ 06 tháng (báo cáo trước ngày 15 tháng 6, báo cáo năm trước ngày 15 tháng 11) thông qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định; đối với cơ quan, đơn vị sau khi sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, cơ quan, đơn vị tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này theo chức năng, nhiệm vụ được giao của cơ quan, đơn vị mới./.

(Đính kèm Phụ lục I, Phụ lục II và Phụ lục III)

Nơi nhận:

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (b/c);
- Văn phòng Quốc gia giảm nghèo;
- TT. TU; TT. HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- UB MTTQ VN TP và các đoàn thể;
- Sở, ban ngành thành phố;
- UBND quận, huyện;
- VP UBND TP (3C);
- Công TTĐT TP;
- Lưu: VT, MK.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thực Hiện



Phụ lục I

BẢNG TỔNG HỢP MỤC TIÊU GIẢM NGHÈO NĂM 2025

(Kèm theo Kế hoạch số 35 /KH-UBND ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố)

S T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Chia theo quận, huyện								
					Ninh Kiều	Ô Môn	Bình Thủy	Cái Răng	Thốt Nốt	Vĩnh Thạnh	Cờ Đỏ	Phong Điền	Thới Lai
1	Tổng số hộ dân	Hộ	373,113	373,113	100,968	35,607	44,735	32,870	42,192	27,872	30,709	28,224	29,936
2	Hộ nghèo	Hộ	350	187	38	31	0	15	33	46	10	0	14
3	Tỷ lệ hộ nghèo	%	0,09	0,05	0,04	0,09	0	0,05	0,08	0,16	0,03	0	0,05
4	Số hộ giảm nghèo	Hộ	414	163	40	32	0	13	31	22	10	0	15
5	Tỷ lệ giảm nghèo	%	0,12	0,04	0,04	0,09	0,00	0,04	0,07	0,08	0,04	0,00	0,05

Phụ lục II

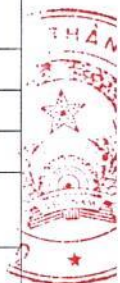
**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU CTMTQG GIẢM NGHÈO BỀN
VỮNG NĂM 2025**

*(Kèm theo Kế hoạch số: 36 /KH-UBND ngày 19 tháng 02 năm 2025
của Ủy ban nhân dân thành phố)*

STT	Chỉ tiêu thực hiện	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025
I	MỤC TIÊU GIẢM NGHÈO		
	- Hộ dân	Hộ	373,113
	- Hộ nghèo	Hộ	187
	- Tỷ lệ hộ nghèo	%	0,05
	- Tỷ lệ giảm nghèo	%	0,04
	Trong đó:		
	Hộ dân tộc thiểu số	Hộ	9,877
	<i>Hộ nghèo dân tộc thiểu số</i>	<i>Hộ</i>	<i>23</i>
	<i>Tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số</i>	<i>%</i>	<i>0,23</i>
	<i>Tỷ lệ giảm hộ nghèo dân tộc thiểu số</i>	<i>%</i>	<i>0,06</i>
	+ Hộ thoát nghèo	Hộ	163
II	CHÍNH SÁCH GIẢM NGHÈO:		
1	Tín dụng ưu đãi (Ngân hàng CSXH)		
	- Tổng số lượt hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ mới thoát cận nghèo vay	Hộ	7,983
	- Tổng số tiền hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và đối tượng chính sách được vay	Triệu đồng	227,000
2	Hỗ trợ về y tế		
	a) Cấp thẻ bảo hiểm y tế (Bảo hiểm xã hội)		
	- Số người nghèo được cấp thẻ BHYT	Người	1,118
	Kinh phí thực hiện:	Triệu đồng	1,412
	- Số người cận nghèo được hỗ trợ kinh phí mua thẻ BHYT (theo QĐ 797 và QĐ 705)	Người	18,367
	Kinh phí thực hiện:	Triệu đồng	23,208
3	Hỗ trợ về giáo dục (Ngành GD&ĐT)		
	Tổng số học sinh được hỗ trợ	Học sinh	9,000
	Kinh phí thực hiện	Triệu đồng	7,837
4	Trợ giúp pháp lý miễn phí (Ngành Tư pháp)		
	Số lượt người nghèo được trợ giúp miễn phí	Người	100%
5	Hỗ trợ tiền điện (Ngành LĐT&BXH)		
	- Số hộ nghèo và hộ chính sách xã hội được hỗ trợ	Hộ	350
	- Kinh phí thực hiện	Triệu đồng	250
6	Hỗ trợ nước sạch (Ngành NN&PTNT)		
	- Số hộ nghèo được hỗ trợ lắp đồng hồ nước	Lượt hộ	20
	- Kinh phí thực hiện (ngân sách địa phương):	Triệu đồng	20



7	Trợ cấp Tết Nguyên đán (Ngành LĐTBXH)		
	Số hộ nghèo được trợ cấp:	Hộ	350
	Kinh phí thực hiện:	Triệu đồng	385
	+ Trong đó số hộ nghèo DTTS được hỗ trợ:	Hộ	29
	+ Kinh phí thực hiện:	Triệu đồng	32
8	Hỗ trợ hộ dân tộc thiểu số hộ nghèo, cận nghèo		
	a) Hỗ trợ cho hộ dân tộc thiểu số hộ nghèo, cận nghèo.		
	- Số hộ nghèo, cận nghèo DTTS được hỗ trợ:	Hộ	4
	- Tổng kinh phí thực hiện:	Triệu đồng	2,672
	Trong đó: - Ngân sách Trung ương:	Triệu đồng	
	- Ngân sách địa phương:	Triệu đồng	72
	- Vốn huy động:	Triệu đồng	2600
	Trong đó:		
	Hỗ trợ đất ở	Hộ	12
	Hỗ trợ nhà ở	Hộ	52
	Kinh phí thực hiện	Triệu đồng	2,600
	b) Hỗ trợ kinh phí học tập cho sinh viên DTTS:		
	- Số sinh viên DTTS nghèo được hỗ trợ:	Sinh viên	5
	Kinh phí thực hiện (chính sách đặc thù)	Triệu đồng	72
III	DỰ ÁN THÀNH PHẦN CHƯƠNG TRÌNH		
1	Dự án 1: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo		
	Mô hình	Mô hình	31
	Số hộ tham gia	Hộ	287
	Kinh phí:	Triệu đồng	5,300
	- Vốn huy động	Triệu đồng	5,300
2	Dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp, cải thiện dinh dưỡng		
	Trong đó:		
2.1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp		
	- Số người lao động tham gia tập huấn bồi dưỡng hỗ trợ trong phát triển sản xuất nông nghiệp.	Người	1,085
	- Ngân sách địa phương	Triệu đồng	200
	- Vốn huy động khác	Triệu đồng	100
2.2	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng		
	- Bồi dưỡng trẻ em suy dinh dưỡng, gói thực phẩm sinh năng lượng	Triệu đồng	20



	- Tập huấn, hướng dẫn thực hành dinh dưỡng cho bà mẹ có con bị suy dinh dưỡng	Triệu đồng	10
	- In ấn, tài liệu truyền thông, biểu đồ tăng trưởng trẻ em	Triệu đồng	20
	- Tập huấn cán bộ y tế trường học quản lý, cải thiện chất lượng bữa ăn học đường		
	Số người tham gia tập huấn	Người	390
	Kinh phí	Triệu đồng	10
	- Tập huấn công tác giáo dục chăm sóc dinh dưỡng, phòng chống thiếu vi chất và chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ học đường cho giáo viên tại các trường học		
	Số người tham gia tập huấn	Người	390
	Kinh phí	Triệu đồng	20
3	Dự án 3: Phát triển giáo dục nghề nghiệp		
	- Đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo	Người	100
	- Kinh phí thực hiện:	Triệu đồng	555
4	Dự án 4: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo	Triệu đồng	
	- Tổng số căn nhà hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo	Căn	550
	- Kinh phí thực hiện: Trong đó	Triệu đồng	28,010
	+ Ngân sách địa phương:	Triệu đồng	27,060
	+ Vốn huy động:	Triệu đồng	950
5	Dự án 5: Truyền thông giảm nghèo về thông tin		
	Truyền thông về giảm nghèo	Cuộc	9
	Kinh phí thực hiện	Triệu đồng	100
6	Dự án 6: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình		
6.1	Tập huấn công tác giảm nghèo		
	- Số cán bộ được tập huấn công tác giảm nghèo	Người	810
	- Kinh phí thực hiện (ngân sách địa phương)	Triệu đồng	180
6.2	Hoạt động kiểm tra giám sát, đánh giá		
	- Số cuộc kiểm tra, giám sát	Cuộc	9
	Kinh phí thực hiện	Triệu đồng	20

Phụ lục III

DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2025

(Kèm theo Kế hoạch số: 36 /KH-UBND ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Kinh phí thực hiện	Trong đó				Ghi chú
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Vốn vay ưu đãi	Huy động cộng đồng	
I	CÁC CHÍNH SÁCH GIẢM NGHÈO	262,784		33,184	227,000	2,600	
1	Hỗ trợ vốn vay ưu đãi cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng chính sách khác	227,000			227,000		
2	Cấp thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo	1,412		1,412			
3	Hỗ trợ 100% kinh phí mua thẻ BHYT cho người cận nghèo (Quyết định 797, QĐ 705)	23,208		23,208			
4	Hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí	7,837		7,837			
5	Hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo hộ chính sách xã hội	250		250			
6	Hỗ trợ lắp đồng hồ nước	20		20			
7	Trợ cấp Tết Nguyên đán năm 2025 cho hộ nghèo	385		385			
8	Hỗ trợ Dân tộc thiểu số nghèo khó khăn	2,672		72		2,600	
	- Hỗ trợ nhà ở hộ nghèo DTTS	2,600				2,600	
	- Số sinh viên DTTS được hỗ trợ	72		72			
II	CÁC DỰ ÁN THÀNH PHẦN CHƯƠNG TRÌNH	33,595	0	28,195	0	5,400	
1	Dự án 1: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	5,300				5,300	



2	Dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp, cải thiện dinh dưỡng	380		280		100	
	Trong đó:						
2.1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp			200		100	
2.2	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng			80			
3	Dự án 3: Phát triển giáo dục nghề nghiệp	555		555			
4	Dự án 4: 'Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo	27,060		27,060			
5	Dự án 5: Truyền thông giảm nghèo về thông tin	100		100			
6	Dự án 6: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	200		200			
	Trong đó:						
6.1	Tập huấn công tác giảm nghèo			180			
6.2	Hoạt động kiểm tra giám sát, đánh giá, rà soát			20			
Tổng cộng: (I+II)		296,379	0	61,379	227,000	8,000	

